

I THÁNG II NĂM 1970

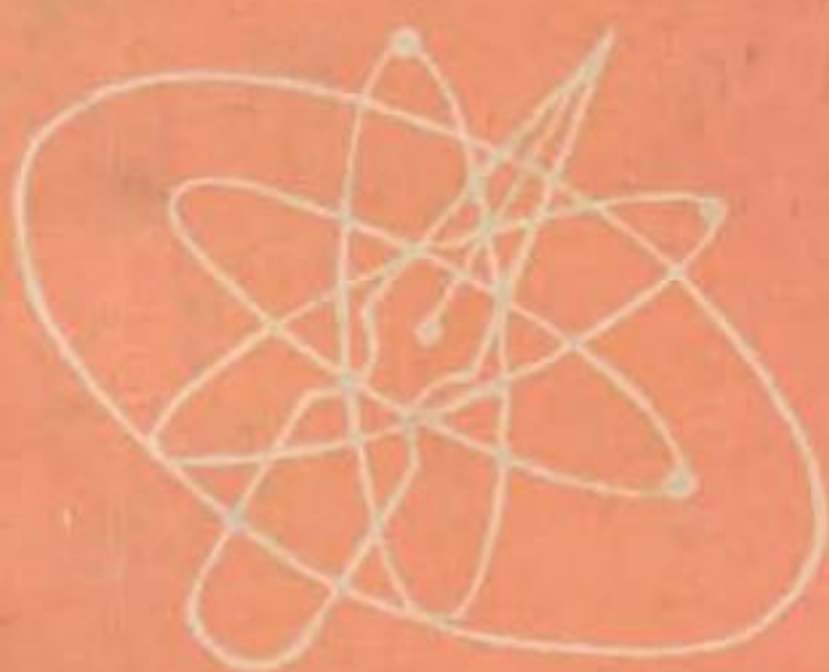
BACH KHOA

năm mười bốn

VIỆT PHƯƠNG *tổng thống Nixon với vấn đề giải quyết
chiến tranh Việt Nam* * XUÂN QUANG *chữ Hán trong
Việt ngữ* * NGUYỄN HIẾN-LÊ *một tiếng nói của châu Á*
* GEORGES ETIENNE GAUTHIER *một người Gia nã-dại
và nghệ thuật của Phạm Duy (THU THỦY dịch)* * THỂ
UYÊN *thất bại của một cuộc cách mạng* * ĐẶNG TRẦN
HUÂN *Cửu-kim-sơn, cửa châu Á* * KINH DƯƠNG
VƯƠNG *chuyến xe* * MINH QUÂN *giây phút cuối* *
LÊ THÚY HỒNG *tình ca miền nam* * TRẦN HUIỀN
ÂN *là tắc lòng mưa* * TRẦN THIÊN *Alexandre Solje-
nitsyne giải Nobel văn chương 1970* * BACH KHOA
*đoàn văn nghệ Việt Nam tại Osaka, nhiếp ảnh
Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản* *

SINH HOẠT *thời sự
thế giới * thời sự khoa
học * thời sự văn nghệ*

332





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 79

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

Số 332 ngày 1-11-1970

VIỆT PHƯƠNG <i>Tổng thống Nixon với vấn đề giải quyết chiến tranh Việt Nam</i>	05
XUÂN QUANG <i>chữ Hán trong Việt ngữ</i>	15
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một tiếng nói của Châu Á: « Châu Á và nền hòa bình thế giới » của Trần Minh Tiết</i>	23
GEORGES E. GAUTHIER <i>một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy (THU-THỦY dịch)</i>	29
THẾ UYÊN <i>thất bại của cuộc cách-mạng (đoản văn)</i>	37
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>Cựu-Kim-Sơn, cửa châu Á (hồi ký)</i>	45
KINH DƯƠNG VƯƠNG <i>chuyến xe (truyện)</i>	51
MINH QUÂN <i>giây phút cuối (truyện)</i>	61
LÊ THÚY HỒNG <i>tình ca miền Nam</i>	69
TRẦN HUIỀN ÂN <i>lâ tặc lòng mưa</i>	70
TRẦN THIÊN <i>Alexander Soljenitsyne giải Nobel văn chương 1970</i>	72
BACH KHOA <i>đoàn văn nghệ Việt Nam tại Osaka, nhiếp ảnh Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản (đàm thoại với Nguyễn Cao Đàm).</i>	77

SINH HOẠT

TỪ TRÌ *thời sự thế giới*

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Vào Thiền** giai-thoại tùy bút của Doãn-quốc-Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang với những Chương : Vào Thiền, Lời Thiền, Đạo Thiền, Ý Thiền, Thiền đi lãng đãng... đọc rất lôi cuốn ; Ngọc-Thanh minh họa theo nét vẽ cổ Trung-Hoa. Giá 140 đ.

— **Món lạ miền Nam** của Vũ Bằng do Tân-Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 8 món lạ miền Nam từ Canh Rùa, Chuột thịt, đến Cháo Cóc, Dơi huyết, Bò kiến v.v... tác giả kể lại rất vui, đọc như 8 truyện ngắn. Giá 50 đ.

— **Tiếng sấm Dương-Châu** tiểu-thuyết võ-hiệp của Vũ-Thiên-Lý do Tuổi Hoa xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 166 trang, trình bày một loại truyện võ-hiệp cho trẻ em « giúp đỡ các em phát triển tinh thần mã thượng, trong cái ý nghĩa cứu khổn, phò nguy của sự thực hiện bác ái, công bằng ». Giá 70 đ.

— **Tân toán học đại-cương** của Đinh-Đức-Mậu, do Trường Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 320 trang gồm 13 bài với « Vài nhận định về luận lý học » và phần « Từ ngữ đối chiếu Việt - Pháp ». Cuốn sách rất cần cho cả học sinh và phụ huynh học sinh tìm hiểu Tân toán học. Giá 260 đ.

— **Bài giải Tân toán học** (Phần Đại-số) Lớp Mười A-B của Ban Giáo-sư Trường-Thi, do Trường-Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 166 trang gồm 5 chương từ « Tập hợp »

đến « Nhóm-Vành-Thân », mỗi chương đều có : Phần lý-thuyết, Toán giải rồi, Toán đề nghị. Giá 160 đ.

— **Xác-suất thống-kê** mô tả của Huỳnh Huynh, Phạm xuân Quang, Cam duy Lễ, do Trường Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang gồm 2 phần : xác-suất và Thống-kê mô-tả cùng 4 phụ-định. Sách giáo-khoa dành cho học sinh lớp 12A, ấn loát 2 màu trong mỗi trang rất đẹp và rõ ràng.

— **Triết học về Tánh không** của Tuệ Sỹ do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 4 chương và 1 chương tổng quát « tiểu dẫn về lịch sử tư tưởng Tánh Không ». Giá 160 đ.

— **Khung trời nhỏ hẹp** tiểu thuyết, nguyên tác của W.S. Maugham, Bản dịch của Đỗ Khánh Hoan, Phạm quốc Dũng do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 304 trang. Giá 260 đ.

— **Câu chuyện dòng sông**, nguyên tác của Hermann Hesse Bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang, in lần thứ 4. Giá 200 đ.

— **Nho văn** giáo khoa toàn thư, do Nguyễn văn Ba soạn, và sửa chữa nhiều lần, Việt-Nam Văn-Hiến tái bản lần thứ ba và soạn giả gửi tặng. Sách dày 710 trang biên soạn rất công phu, được chia ra 6 phần chính : Phần con người, phần liên quan đến con người, phần sinh hoạt, phần tình cảm, phần lý trí và duệ trí, phần văn phạm. Một cuốn sách học chữ nho rất đầy đủ có nhiều bài văn thơ của các văn thi-sĩ danh tiếng, có bài Khuyến tướng sĩ hịch của Trần-quốc-Tuân, Bình-Ngô đại-cáo của Nguyễn-Trãi v.v... Giá 840 đ.

Tổng-thống Nixon với vấn-đề giải quyết chiến-tranh Việt-nam

Từ khi lên cầm quyền vấn đề giải quyết chiến tranh Việt-nam có thể nói là quan tâm số 1 của Tổng-thống Nixon. Chính vì hứa hẹn chấm dứt cuộc chiến Việt-nam mà T.T. Nixon đã đắc cử. Và cũng chính vì lo không giải quyết nổi vấn-đề chiến-tranh V.N khiến ông có thể mất ghế Tổng-thống mà ông Nixon đã phải

luôn luôn tích cực tìm giải-pháp cho vấn-đề Việt-nam.

Đề có một ý-niệm rõ rệt về diễn-tiến hành-động của T.T. Nixon từ khi ông nắm chính quyền, chúng ta hãy nhớ lại lịch-trình các hoạt-động của ông liên quan đến cuộc chiến Việt-nam :

10—1968 Trong khi vận động tuyên cử, ông Nixon hứa hẹn sẽ rút hơn 100.000 quân vào cuối năm 1969, nếu ông đắc cử, và ông sẽ khai-thông Hoà-dàm Paris.

14-5-1969 T.T. Nixon đọc diễn văn quan trọng ở Washington đưa ra sáng-kiến hoà-bình 8 điểm đề đối phó với giải-pháp toàn bộ 10 điểm của Việt-Cộng đưa ra ngày 8-5-1969.

8-6-1969 Hội-nghị thượng đỉnh Midway : tuyên bố rút 25.000 quân để tổ thiện-chí hoà-bình.

22-7-1969 Đến đảo Guam để đón các phi-hành gia của phi-thuyền Apollo 11 và bắt đầu cuộc công du tại một số các nước Á-Châu và Lỗ-ma-ni. Tại đảo Guam Tổng-thống Hoa-kỳ đã đưa ra «chủ thuyết Nixon» : chủ trương sẽ rút dần quân đội Hoa-kỳ về và sẽ viện trợ để cho người Á-Châu tự lực bảo vệ lấy đất nước của họ trước mưu đồ xâm lược của Cộng-sản.

16-9-1969 Tuyên bố rút thêm 35.000 quân để, một mặt bắt đầu thực-hiện chủ thuyết Nixon, một mặt thúc đẩy cho phía bên kia nhúc nhích.

3-11-1969 Nhân dịp kỷ-niệm 1 năm ngưng oanh tạc Bắc-Việt. Đưa ra

chính sách Việt-Nam-hoá và từ đó chủ-trương hạ thấp hoà-đàm Paris bằng cách không cử người thay thế ông Cabot Lodge từ chức.

15-12-1969 Tuyên bố rút thêm 50.000 quân đến hết tháng 5-70 để thực hiện đúng lời hứa rút hơn 100.000 quân trước cuối năm 1969 và buộc phía bên kia phải đáp ứng.

20-4-1970. Tuyên bố rút thêm 150.000 quân cho đến hết mùa xuân 1971 để thỏa mãn đòi hỏi của phe phản-chiến Hoa-kỳ và xoay dư-luận thế giới chia về phía bên kia. Như vậy là đến hết mùa xuân 1971, Hoa-kỳ sẽ rút 260.000 quân.

30-4-1970 Mở rộng chiến tranh qua Kampuchia thực hiện 2 mục-tiêu : quét sạch những căn-cứ-địa V.C., để bảo vệ quân-đội Hoa-kỳ và đẩy mạnh chương trình Việt-nam-hoá, đồng thời cứu nguy chế-độ Lon-Nol.

1-7-1970 Sau khi rút quân khỏi Kampuchia theo đúng lời hứa với nhân dân và Quốc-hội Mỹ, tuyên bố cử đại-sứ Bruce làm trưởng phái-đoàn Hoa-kỳ tại Hoà-đàm Paris : chú trọng hơn đến hội-ng nghị Paris.

8-1970 Cử Phó Tổng-thống Agnew đi công du Á-Châu để trấn-an dư-luận các nước đồng minh về việc thực-thi chủ-thuyết Nixon : Rút một số quân Hoa-kỳ và tăng cường viện-trợ cho các quốc-gia Á-Châu chống Cộng. Hưởng ứng lạnh nhạt của các nước đồng minh.

7-10-1970 Đưa ra sáng-kiến hoà-bình mới 5 điểm trong đó có đề-nghị ngưng bắn tại chỗ và triệu-tập hội-ng nghị các nước Đông Dương để phản-ứng lại kế-hoạch 8 điểm ghi rõ thêm của V.C.

Nhìn qua lịch-trình trên chúng ta nhận thấy :

-1/ Cả 2 lần nêu sáng-kiến hoà-bình, T.T. Nixon đều làm sau V.C.

Lần thứ nhất : V.C. đưa ra giải-pháp toàn bộ 10 điểm ngày 8-5-69 thì Nixon đưa ra kế-hoạch 8 điểm ngày 14-5-1969. Lần thứ 2, V.C. đưa ra «8 điểm nói rõ thêm» ngày 17-9-70 thì Nixon đưa ra sáng-kiến hoà-bình 5 điểm ngày 7-10-1970.

Rõ ràng, kế-hoạch của Hoa-kỳ chỉ là một phản-ứng đối với kế-hoạch của

Cộng sản. T.T. Nixon đã thận trọng chờ đợi Cộng sản đưa ra kế-hoạch của họ đã, rồi mới căn cứ vào đó mà đưa ra kế-hoạch của mình, mục đích là để hòa-giải kế-hoạch của địch-thủ, đồng thời tỏ cho thế-giới biết rõ thiện-chí hóa-bình của mình, Địch thủ từ chối là lỗi ở họ, họ ngoan cố thì họ phải ráng chịu. Hoa-kỳ bao giờ cũng có thiện-chí muốn chấm dứt chiến tranh Việt-nam. Đưa ra kế-hoạch hoà-bình như vậy, T.T. Nixon vừa không sợ quá lỗ vừa hy vọng xoa dịu được dư-luận quốc-tế và quốc

nội, và ít nhất, cũng trút được một phần trách nhiệm cuộc chiến cho phía bên kia.

—2/ Trong cả 2 lần, khi đưa ra kế-hoạch hòa bình của mình, với một Bộ tham-mưu tài giỏi và đầy đủ phương-tiện như vậy, chắc chắn là T.T. Nixon đã có thể đoán trước được phản-ứng của phía bên kia. Có lẽ ông đã biết chắc rằng phía bên kia không thể chấp nhận được sáng-kiến của mình vì đối chiếu với sáng kiến của phía bên kia còn quá nhiều cách biệt, không thể dung hòa được. Vậy thì ông đưa ra sáng-kiến đó có phải vì thực sự mong muốn hòa-bình không, hay cũng như phía bên kia đưa sáng-kiến ra chỉ để tuyên-truyền, để thiên hạ khỏi chỉ-trích mình là hiếu chiến. Có thể trong thâm tâm Nixon lại mong muốn bên kia sẽ từ chối đề ông tiện đi theo con đường đã vạch ra, con đường Việt-nam hóa mà ông tin tưởng rằng, trong một thời gian nữa, sẽ thành công mỹ mãn, kết quả còn hơn là một cuộc điều đình mà sự nhượng bộ không phải đạt được dễ dàng. Sáng-kiến trước đưa ra rồi, ông mới hoạch-định chương-trình Việt-nam hóa; sáng-kiến này đưa ra cũng vào lúc ông muốn đẩy mạnh chương-trình đó tiến tới thành công. Nó cũng được đưa ra vào lúc sắp có tuyên-cử bầu lại Hạ viện, 1/3 Thượng viện và một số lớn Thống-đốc tiểu-bang. (3-11-1970) để hốt phiếu cho đảng Cộng-hòa mà vẫn không phải hy-sinh lập trường của mình. Ông đã sửa soạn tất cả đề cho phía bên kia không nhận được mà

đư-luận nhân-dân Mỹ lại không ngớt tác thường về thiện-chí hòa-bình của ông. Như vậy là ông đã hóa giải được tác-động tai hại của tuyên-truyền phía bên kia về 8 điểm nói rõ thêm của Nguyễn thị Bình, đối với đa số dư-luận trong nhân dân Mỹ và thế-giới. Thật là một hành động khôn ngoan và có thể nói là xảo-quyệt.

—3/ Qua việc rút quân một cách rất hạn chế và kéo dài trong thời-gian, ta thấy T.T. Nixon nhìn những mục-đích khác hơn là mục-đích thỏa mãn những đòi hỏi của Cộng-sản. Nó nhằm 2 mục-đích rõ rệt :

— Mục-đích xoa dịu dư-luận nhân-dân Mỹ để dư-luận đó khỏi quá sôi sục khiến ông có thể thực hiện được đường lối của mình.

— Mục đích đẩy mạnh chương-trình Việt-nam-hoá, thúc dục Chính-phủ Việt-nam tự đảm nhận trách-nhiệm chính trong cuộc chiến V.N. Có thể nói là về phương diện này ông đã thành công như chính ông đã nói ra trong bài diễn văn hôm 7-10-70. Mức thương vong của Hoa-kỳ đã giảm đi rõ rệt và mức thương vong của VNCH cũng đã tăng gia rất nhiều.

Cuộc tấn công qua Campuchia của ông là một hành vi tính toán rất kỹ lưỡng. Nó không phải chỉ có mục đích cứu nguy cho chế độ Lonol. Đó chỉ là một mục đích phụ, vì nếu là mục đích chính thì quân Mỹ đã không rời Campuchia vào lúc chính quyền Nam Vang còn đang gặp những khó khăn nghiêm trọng khiến nó có thể bị lật nhào trước sức ép của Cộng-sản.

Mục đích chính của cuộc tấn công qua Campuchia là để đảm bảo cho việc quân đội Mỹ có thể rút lui an toàn trong khi chương trình Việt hóa vẫn được đẩy mạnh. Vì thế chonên khi những «thánh địa» của Cộng-sản bị diệt ở vùng biên-giới là quân Mỹ rút về ngay để cho quân đội VNCH làm nhiệm vụ yểm-trợ che Campu-chia, thực hiện đúng quan-niệm dùng người Đông-Dương trên chiến trường Đông-Dương. Chỉ yểm trợ phi pháo mà thôi, vừa đỡ thương vong cho quân đội Mỹ, vừa rèn luyện cho quân đội VNCH đảm nhiệm lấy trách nhiệm trên toàn cõi Đông-Dương. Thành ra trong việc tiến quân qua Campuchia, T.T. Nixon đã đẩy mạnh chương trình Việt hóa của mình mà vẫn thực hiện được việc rút quân theo mức ấn định. Đối với phía bên kia, việc rút quân đó đã được đề ra như là một thứ thiện-chí hòa-bình để đẩy phe Cộng-sản vào thế ngoan cố, hiếu chiến, không chịu đáp ứng những hành động đơn phương tìm kiếm hòa bình của Hoa-kỳ. Thực ra việc rút quân đó đã nằm trong kế hoạch chiến thắng đối phương của T.T. Nixon. Do đó ta có thể cắt nghĩa vì sao Cộng-sản không thể chấp nhận được kế hoạch rút quân đó và đòi hỏi Hoa-kỳ phải rút hết, rút ngay và rút gọn.

—4/ Tuy tích cực đẩy mạnh chính sách Việt-hóa và đơn phương rút quân, nhưng T.T. Nixon vẫn luôn luôn đề ngỏ cửa cuộc thương-thuyết paris, khi thì hạ thấp cấp bậc

xuống khi thì lại nâng cao lên coi là con đường chính-yếu để đi tới hòa bình. Thực ra hai chính-sách, thương thuyết và Việt-hóa, T.T. Nixon cố gắng để cho thực hiện song song với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, có khi chú trọng nhiều hơn đến đường lối này, có khi chú trọng nhiều hơn đến đường lối kia, nhưng không bao giờ bỏ hẳn một đường lối nào hết. Có thể nói chính sách của T.T. Nixon là một chính sách lưỡng diện, khi nào chính sách Việt-hóa đã thực hiện khả quan đến một mức độ nào, T.T. Nixon sẽ đem nó dùng làm một áp-lực tại hòa-đàm Paris để có thể thương thuyết trên thế mạnh, buộc đối phương phải nhận những điều. Kiện của mình hay sự chiến bại. Nếu chương trình Việt hóa gặp khó khăn trở ngại thì hòa-đàm Paris vẫn là nơi để Hoa-kỳ mặc cả lấy một sự rút lui trong vinh dự. Đảng nào cũng có lợi nên không đại gì mà T.T. Nixon bỏ con đường thương thuyết. Và lại chính đó là nơi Hoa-kỳ biện-thuyết cho hành động của mình, tố cáo âm mưu của đối phương, Hoa-kỳ không thể từ bỏ để bỗng nhiên lãnh lấy tất cả những chỉ trích của dư-luận thế giới, mà ở cương vị một đại-cường quốc Hoa kỳ không thể nào coi thường, cũng như dư-luận của nhân dân Mỹ. Thành ra trong tương lai nếu có bên nào rút chân ra khỏi cuộc hội-đàm Paris, thì bên đó chắc chắn không phải là Hoa-kỳ.

-5/ Chính sách Việt-hóa chỉ là một phần của chủ-thuyết Nixon. Chủ-thuyết này đã được chính cả 2 vị Tổng-thống và Phó Tổng-thống đem đi khua vang ở các nước Á-châu và đã được các nước này hưởng ứng một cách dè dặt. Phần lớn các nước đó đều e ngại sự ra đi của quân đội Hoa-kỳ và đòi được trả bằng giá một sự viện

trợ quân-sự và kinh-tế lớn lao để họ có thể tự lực tự cường, điều mà Hoa-kỳ không thể chấp nhận vì không sẵn tiền tung ra. Thành ra trong tương lai, ông Nixon muốn rút chân khỏi Á-châu cũng còn gặp phải nhiều vấn-đề nan giải, không những về phía thù mà còn cả về phía bạn nữa.

Đối chiếu 2 kế-hoạch hòa bình của Hoa-kỳ :

8 điểm đề-nghị của T.T. Nixon
ngày 14-5-67

1) Ngay sau khi có thể tiến đến một thỏa hiệp tất cả các quân lực không phải của miền Nam VN. phải bắt đầu triệt thoái khỏi miền Nam VN.

2) Trong thời gian 12 tháng, qua các giai đoạn đã được thỏa-hiệp, phần lớn quân lực các loại kể cả Hoa-kỳ, Đồng-minh và quân lực không phải là quân của miền Nam VN, sẽ rời khỏi VN. Sau thời hạn 12 tháng này, các lực lượng chưa rút khỏi miền Nam VN sẽ phải rút về các căn-cứ và các trại quân được chỉ định và sẽ không tác chiến nữa.

3) Quân lực Hoa-kỳ và Đồng-minh, chưa rút khỏi VN khi hết hạn 12 tháng, sẽ bắt đầu thực hiện triệt thoái hoàn toàn, cùng lúc đó, số quân BV ở miền Nam và Miền Lào, cũng bắt đầu triệt thoái hoàn toàn về BV.

4) Một cơ quan kiểm soát quốc tế được 2 phe thỏa thuận sẽ được thiết lập với nhiệm vụ kiểm soát việc triệt binh cũng như đề phục vụ các mục tiêu khác do 2 phe thảo luận và quyết định.

5) Cơ quan quốc tế này sẽ bắt đầu hoạt động theo một lịch trình đã được 2 phe thỏa-hiệp cũng như sẽ tham gia vào việc tổ chức sự kiểm-soát việc ngưng bắn.

5 điểm đề-nghị của T.T. Nixon
ngày 8-10-1970

1) Ngưng bắn tại chỗ không có điều kiện tiên quyết :

— Phải được giám sát một cách hữu hiệu bởi các quan sát viên quốc-tế cũng như bởi các phe liên hệ.

— Không được coi là một phương tiện để 2 bên tăng cường lực lượng của mình

— Phải thực hiện dưới mọi hình thức kể cả ngưng oanh tạc và khủng bố.

— Bao gồm toàn cõi Đông Dương. Khi thỏa thuận ngưng bắn, 2 bên có thể đặt căn bản cho sự thỏa thuận về những vấn đề khác.

2) Triệu tập hội-nghị hòa bình Đông-Dương, tuy nhiên vẫn tiếp tục cuộc thương thuyết ở Paris cho đến khi hội nghị quốc tế mở rộng đưa đến kết quả thương thuyết nghiêm chỉnh.

3) Sẵn sàng thương nghị một thời khóa-biểu được cả đôi bên chấp thuận để triệt thoái toàn thể quân lực trong khuôn khổ giải quyết toàn diện dựa trên nguyên-tắc đã được đề ra từ trước và những đề nghị hiện tại.

4) Tìm đến một cuộc dàn xếp chính trị thực sự đáp ứng nguyện vọng của toàn dân VN dựa trên 3 nguyên tắc:

6) Ngay sau khi cơ quan quốc tế bắt đầu hoạt động các cuộc bầu cử sẽ được tổ chức ngay khi nào có thể tổ chức được, qua những thủ tục đã được cả 2 bên chấp thuận và dưới sự giám sát của cơ quan quốc tế.

7) Các biện-pháp thích nghi sẽ được áp dụng nhằm trả tự do càng sớm càng hay những tù binh chiến tranh của cả 2 phe sau khi đã được 2 bên thỏa thuận.

8) Tất cả các phe sẽ thỏa thuận tôn trọng thỏa hiệp Genève 1954 về VN và Campuchia và thỏa hiệp Genève 1962 về Lào.

Hai kế hoạch trên đã đưa ta đến những nhận xét sau đây :

— 1/ Vấn đề rút quân và ngưng bắn

Trong kế hoạch 8 điểm, T.T. Nixon chú trọng đến kế-hoạch rút quân song phương-thực hiện làm 2 giai đoạn :

— Trong thời gian 12 tháng đầu, phần lớn quân 2 bên bắt đầu rút.

— Sau thời kỳ này số quân còn lại phải tập trung lại tại các nơi chỉ định và không tác chiến nữa.

Việc rút quân này phải đặt dưới sự kiểm soát quốc-tế.

Trong sáng kiến 5 điểm mới, T.T. Nixon chú trọng trước tiên tới việc ngưng bắn tại chỗ và trên toàn cõi Đông-Dương. Trong việc rút quân, ông nhấn mạnh đến việc rút toàn thể quân đội Hoa-kỳ mà không hề nói tới việc rút quân song phương tuy ông chỉ nhắc đến một cách gián-tiếp trong câu «trong khuôn khổ giải quyết toàn diện» và «trong khuôn khổ một cuộc dàn xếp trên các nguyên-tắc đã đề ra trước đây». Ông đã buộc việc rút quân với

— Phản ánh ý nguyện của nhân dân VN:

— Phản ánh tương quan hiện hữu giữa các lực lượng chính trị ở Nam VN.

— Tôn trọng kết quả của thể thức chính trị đã được thỏa thuận. Bác bỏ lời yêu cầu của đối phương loại một số nhân vật chính trị của Chính phủ Nam VN. Giải pháp duy nhất có thể trường cửu là giải pháp cả 2 bên đều muốn duy trì.

5) Phóng thích tức khắc và vô điều kiện tất cả các tù binh do cả 2 bên giam giữ kể cả các kỹ giả và thương dân.

điều kiện ngưng bắn, trong khi trong kế hoạch trước ông chỉ đề nghị 2 bên rút quân mà thôi nhưng lại chia làm 2 giai đoạn.

Cả 2 kế hoạch phía bên kia đều khó lòng nuốt trôi được. Vì một đạo quân chủ-yếu là du-kích thì làm sao có thể «ngưng bắn được tại chỗ» và tập trung lại một số nơi trước khi có những thỏa thuận căn bản về phương diện chính trị. Có lẽ T.T. Thiệu đã gật đầu là vì biết chắc bên kia sẽ từ chối, riêng về điểm này.

2/ Vấn đề dàn xếp chính trị

Trong kế hoạch trước T.T. Nixon chỉ nói tới việc bầu cử tự do có sự kiểm soát quốc-tế, qua những thủ tục đã được 2 bên chấp nhận, và Hoa-kỳ sẽ tôn trọng kết quả của cuộc bầu cử đó dù thể nào chăng nữa.

Trong sáng-kiến mới, T.T. Nixon đã không nhắc gì tới vấn đề bầu cử. Nhiều người đã lo lắng tự hỏi không biết có phải T. T. Nixon đã ngụ ý

(Xem tiếp trang 84)

Chữ Hán trong Việt ngữ

Tiếng Hán đi sâu vào xã-hội Việt-Nam

Phần trên là giai-đoạn đầu của quá trình diễn-biến về âm-thanh. Giai-đoạn thứ hai là quá-trình diễn-biến của tiếng Hán khi đi sâu vào xã-hội Việt-Nam.

Ai cũng biết : làm môi giới phổ biến tiếng Hán vào xã-hội Việt-Nam là tầng lớp quan lại và nói chung là nhà Nho.

Kinh sách của thánh hiền là một kho tàng chứa đủ thứ tiếng. Trong đời sống hằng ngày, nếu muốn chỉ cái gì hay diễn ý-từ gì mà trong xã-hội đương tiền không có tiếng sẵn thì các cụ cứ lật sách kiểm lấy đem ra cho mình và bà con dùng.

Những tiếng ấy trong chữ Hán ra đại lược có thể chia làm 2 loại :

— những tiếng còn giữ nguyên giọng Hán Việt của các Cụ.

— những tiếng đã từ giọng Hán Việt chuyển sang giọng Nôm.

A. — Những tiếng còn giữ nguyên giọng Hán Việt của các Cụ, như : cái Áo, cái Quần, cái Đôn, cái Mào, tấm Biển, bức Hoành, đôi Liễn, cái Đình, cái Miếu, cái Am, tấm Bình Phong v.v...

Ông, Bà, Má, Cô, ông Khách, người Dân...

Học - tập, Gian - giáo, Thị - thiển, Thị-tức, Thương-tích, Lam-lũ, Kỹ-luông, Tham-lam, Hoảng-hốt, Linh-đinh...

Loại tiếng này rất dễ lộn với tiếng Nôm vì lẽ chúng :

— được phổ biến rộng rãi, đi sâu trong dân gian,

— gồm những tiếng 1 âm hoặc 2 âm. Những tiếng 2 âm rất giống những tiếng Nôm đôi, bởi vì chúng đã bị Việt hóa đến cao độ, có tiếng đã có thể kèm theo một tiếng lấp lái như « khách khứa » (đặc tính của tiếng Nôm là có kèm theo một tiếng lấp lái).

Thông thường người ta nói : « Sông Cửu Long Giang », « núi Thái San ». Có người thông chữ Hán bảo rằng : dùng từ-ngữ như vậy là thừa, vì lẽ « giang » nghĩa là sông rồi vậy cần gì phải nói Sông Cửu-Long-Giang mà chỉ cần nói « Sông Cửu-Long » là đủ. Cũng như cần nói : « Núi Thái » hay « Non Thái », cần gì phải thêm tiếng « San ».

Bảo như vậy cũng có lý và thông thường người ta cũng nói « Sông Cửu Long » và « Non Thái ». Tuy nhiên những người nói « Sông Cửu Long Giang » và « Núi Thái Sơn » không phải là không có lý của họ. Lý như vậy :

Mấy cụ thông chữ Hán, đem từ-ngữ Hán-Việt tung ra cho dân-gian dùng, nhưng đa số người trong dân-gian thì không thông chữ Hán, họ nhớ giọng những tiếng ấy và trường-hợp nào dùng nó rồi cứ theo đó mà dùng.

Họ nhớ rằng khi muốn chỉ con sông

rất lớn mà phù sa đã bồi đắp thành ruộng vườn béo mỗ của miền Nam, các Cụ Nho dùng ba tiếng « Cửu-Long-Giang », rồi mỗi khi nói chuyện với nhau về con sông ấy, họ gọi nó là con Sông Cửu-Long-Giang.

Mấy Cụ biết « giang » nghĩa là sông thì mấy Cụ dùng hoặc « Cửu-Long-Giang » hoặc « Sông Cửu-Long », còn dân gian không cần biết « Cửu-Long-Giang » là « Sông Chín Rồng », họ chỉ nhớ giọng và gọi con Sông đó là « Sông Cửu-Long-Giang ».

Quy luật của ngôn-ngữ là như vậy ; kẻ xây-dựng ra ngôn-ngữ không phải là người hay chữ, thông văn-pháp, mà là dân-gian cho nên người ta vẫn nói « Sông Hồng-Hà », « Núi Hy-Mã-Lạp-Sơn ».

Ngày nay không ai dùng từ-ngữ « thất quốc tha bang », ai cũng dùng « xác bắc xang bang », mặc dù « thất quốc tha bang » mới là đúng chữ-nghĩa.

Chính quy-luật « dân gian xây dựng ngôn ngữ » đã tạo ra những thành ngữ (idiom) mà ngôn-ngữ nào cũng có. Thành-ngữ là lối nói bất chấp văn-pháp, bất chấp chữ-nghĩa, nhưng nó thơm ngát mùi-vị dân-tộc vì vậy mà nó là cái vốn quý của một ngôn-ngữ.

B.— Những tiếng đã từ giọng Hán Việt chuyển sang giọng Nôm như :

Chú (thúc), *Bắc* (bá), *Cận* (cửu), *Chữ* (từ), *Chỗ* (tại), *Cũ* (cửu), *Cối* (kỳ), *Cối* (ky), *Khăn* (cân), *Vỡ* (hoại), *Chật-hẹp* (trá hiệp)...

Xác bắc xang bang (thất quốc tha bang), *Sân sơ sát sở* (thân sơ thất sở),...

Học sinh cấp Trung-học đã được

dạy quy-luật « tiếng Hán-Việt chuyển sang tiếng Nôm » để viết chính tả trùng hồi, ngã, cuối chữ có g hay không g, có t, c hay ch v.v...

Về dấu giọng, biến theo luật « thuận thanh-âm » được tóm-tắt trong câu « không, sắc, hỏi, huyền, nặng, ngã », như :

Cửu biến thành *Cũ* (nặng/ngã)

Họa » *Vẽ* (- id -)

Thái » *Vẻ* (sắc, hỏi)

Giá » *Gả* (- id -)

Về phụ-âm đầu chữ : Hầu âm biến sang hầu âm, thăm âm biến sang thăm âm v.v...

Cân biến thành *Gần* (hầu âm)

Họa » *Vẽ* (thăm âm)

Thúc » *Chúc* (xi âm)

v.v...

Về phụ-âm cuối chữ, âm dài biến sang âm dài, âm ngắn biến sang âm ngắn :

Cánh biến thành *Kiến* (âm dài)

Phương » *Vuông* (- id -)

Thiết » *Sắt* (âm

nghĩa là xa, «nhĩ» nghĩa là gần. Chữ «hà» đọc theo giọng quan-thoại là «xa» (hà, nhĩ).

Người Việt còn tạo ra một số từ-ngữ, hoặc phỏng theo hoặc dịch những từ-ngữ Hán-Việt như :

Sẽ tới (tương lai), *Đã qua* (đi vãng), *Giàu mạnh* (phú cường)...

Đánh Đập (đả kích), *Qua Đời* (trê thế), *Xây Cát* (kiến tạo), *Xem Xét* (quan sát), *Lo Nghĩ* (ưu tư)...

Ruộng Đất (điền địa), *Họ Hàng* (thân thích), *Chỗ Đứng* (lập trường)...

Có một số từ-ngữ gồm một tiếng Hán-Việt kèm theo một tiếng Nôm đồng nghĩa, như :

Nuôi-Dưỡng, *Sanh-Sống*, *Xuyên-Qua*, *Trước-Tiên*, *Đính-Kèm*, *Hạ-Xuống*...

Sự cấu-tạo những từ-ngữ trên đây là một hiện-tượng ngôn-ngữ khá ngộ-nghĩnh.

Nhìn kỹ những từ-ngữ : *Xuyên-Qua*, *Trước-Tiên*, chúng ta nhận thấy rằng hai tiếng cấu-tạo nên từ-ngữ này cùng chung một từ-loại (giới-từ) và từ-ngữ được cấu-tạo cũng vẫn là giới-từ, trong khi ấy :

Nhìn kỹ những từ-ngữ : *Hạ-Xuống*, *Xuất-Ra*, chúng ta nhận thấy rằng hai tiếng cấu-tạo, về từ-loại khác nhau, tiếng đứng trước (Hán), là động-từ, tiếng đứng sau (Việt) là trạng-từ và hai tiếng ghép lại thành ra một động-từ ghép.

Về những từ-ngữ Hán-Việt, cần nêu lên hai điểm :

1.— Người Hoa và người Việt, mỗi bên lòng vô một nội-dung khác nhau.

2.— Cách cấu-tạo không giống nhau.

Từ-ngữ người Việt và người Hoa lòng vào những nội-dung khác nhau

Nhan-Sắc.— Người Việt dùng để chỉ sắc đẹp phụ-nữ còn người Trung-Hoa dùng từ-ngữ này như chúng ta dùng từ-ngữ « màu sắc ».

Hoạt-bát.— Chúng ta dùng để chỉ tính-tình một người nói-năng trôi-chảy còn người Trung-Hoa dùng để chỉ tính-tình một người có hành-động nhanh-nhẩu, linh-động, chẳng những khi nói mà cả khi đi đứng nữa.

Phương-tiện.— Đối với người Việt « phương-tiện » là một danh-từ gần đồng-nghĩa với tiếng « cách-thức ». Người Trung-Hoa có khi dùng như một tính-từ tương-đương với tiện-l

Trung-Hoa cứ tự-do ghép những tiếng đơn của họ, dựa theo ý-nghĩa của mỗi tiếng, bằng mọi cách, nhằm diễn-đạt ý họ muốn nói.

Thí-dụ :

Người Trung-Hoa dùng những từ-ngữ « hồi-quan », « thống-quan » còn chúng ta chỉ dùng « thống quan » mà không quen dùng « hồi-quan ».

Họ dùng « thính-chúng » để chỉ những người nghe, còn chúng ta chỉ dùng « quý vị thính-giả » v.v...

Người Việt-Nam và người Trung-Hoa cấu-tạo từ-ngữ khác nhau

Người Việt đảo ngược một số từ-ngữ Hán rồi mới dùng, điểm này dễ hiểu vì lẽ Việt-ngữ và Hoa-Ngữ có cú-pháp trái-ngược nhau :

Hán	Việt
Duyệt-lich	Lịch-duyet
Lịch-lai	Lai-lịch
Khê-nhiều	Nhiều-kê
Đấu-tranh	Tranh-đấu

Người Việt cũng nói « đấu tranh » nhưng người Trung-Hoa thì không nói « tranh đấu ».

Văn-khoa đại-học Đại-học văn-khoa

Người Việt cũng nói « Văn-khoa Đại-học », nhưng người Trung-Hoa thì không nói « Đại-Học Văn-Khoa ».

Trên đây là nói về những từ-ngữ mà ý-nghĩa được cụ-thể, hoặc nếu trừu-tượng thì ý-nghĩa được trọn vẹn. Dưới đây là những từ-ngữ có ý-nghĩa tế-nhị :

Để diễn-tả những ý-nghĩa tế-nhị, những trạng-thái tế-vi của hành-động v.v... người Việt tất yếu phải mượn ngôn-ngữ của Trung-Hoa mà nền văn-

minh đã đạt đến trình-độ phong-phú, dồi-dào.

Chẳng hạn :

1.— Từ-ngữ mượn của người Trung-Hoa :

Trạng-từ :

Tự-Nhiên, Đương-Nhiên, Dĩ-Nhiên, Cố-Nhiên... (hầu hết những trạng-từ có chữ « nhiên » đi sau)

Liên-ừ :

Nhiên-Hậu, Sở-Dĩ, Bất-Đắc-Dĩ, Nhưng, Tuy-Nhiên v.v...

2.— Từ-ngữ do người Việt tạo ra, phỏng theo hoặc dịch của chữ Hán :

Trạng-từ :

Vì Sao (hà cổ), Bao Giờ (hà thời) Thật Là (chân thị), Chính Là (đích thị), Trộm Nghĩ (thiết tưởng) v.v...

Liên-từ :

Từ Trước (tùng tiền), Từ Nay Về Sau (kim hậu), Vì Thế (nhân thử) Như Vậy (như thử), Chẳng Qua (bất quá) v.v...

Ở mục này, tưởng cũng nên để ý một số liên-từ, người Việt chúng ta và người Trung-Hoa không dùng giống nhau, chẳng hạn như :

Tuy-nhiên : Đối với người Việt « tuy nhiên » là một liên-từ tập-hợp, như trong câu « Tôi sẵn-sàng tha-thứ cho anh, tuy-nhiên anh phải tỏ ra biết ăn-năn, hối-cải ».

Đối với người Trung-Hoa « tuy-nhiên » là một liên-từ phụ-thuộc, như trong câu :

« Tuy-nhiên ngã một hữu tiền, ngã nhất-định bất khảng hy-sinh ngã đích danh dự »

(Tuy tôi không có tiền nhưng tôi nhất-định không chịu hy-sinh danh-dự của tôi).

Họ dùng « tuy-nhiên » khi chúng ta chỉ dùng đơn-độc « tuy »

Bất quá : Người Trung-Hoa dùng « bất quá » cũng như chúng ta, ngoài ra, họ còn dùng từ-ngữ ấy với ý-nghĩa tương-đương với chữ « nhưng ».

Nhận xét chung về sự diễn-biến của tiếng Hán khi đi sâu vào xã-hội Việt-Nam, chúng ta thấy rằng :

Về hai phương-diện hình-thức (cách cấu-tạo từ-ngữ) và nội-dung (ý-nghĩa), tiếng Hán đã bị Việt-hóa qua nhiều trình-độ :

— Hoàn-toàn Việt-hóa,

— Biến chất một nửa, bán Hoa, bán Việt,

— Thành-phần còn lại cũng vẫn không còn giữ trọn vẹn chất Hoa mà bị Việt-hóa phần nào.

Hiện-tượng này là sự biểu-hiện trong ngôn-ngữ của sức-sống dồi-dào của dân-tộc Việt-Nam.

Con đường xuyên qua dân gian

Tiếng Trung-Hoa còn vào Việt-ngữ xuyên qua con đường dân-gian.

Trong cuộc sống hằng ngày, dân chúng tiếp-xúc với người Hoa-kiều và mượn tiếng nói, cách nói của họ mà dùng.

Những tiếng mượn :

Thùng (cái thùng),

Giọng Hán-Việt : thông

Giọng Trung-Hoa : thùng

Tử (cái tử)

Giọng Hán-Việt : độc

Giọng Trung-Hoa : tử

Chiên (chiên, xào)

Giọng Hán-Việt : tiễn

Giọng Trung-Hoa : chiên

Chung (chưng, hấp)

Giọng Hán-Việt : thừa

Giọng Trung-Hoa : chưng

Bì (phân bì)

Giọng Hán-Việt : tỷ

Giọng Trung-Hoa : bì

Những quán-ngữ phỏng theo Trung-Hoa :

Không được (ngủ không được) phỏng theo Hoa-ngữ :

Giọng Hán-Việt : bất đắc

Giọng Trung-Hoa : bú tổ

Được không ? (ăn được không) phỏng theo Hoa-ngữ :

Giọng Hán-Việt : đắc bất đắc

Giọng Trung-Hoa : tổ bú tổ

Tốt không ? phỏng theo Hoa-ngữ

Giọng Hán-Việt : hảo bất hảo

Giọng Trung-Hoa : hào bú hào

thần sáng-tạo của dân-tộc đã biểu-lộ trong ngôn-ngữ.

Ảnh-hưởng của cú-pháp Hoa-ngữ đối với cú-pháp Việt-ngữ :

Như chúng tôi đã trình-bày trong phần trước, Việt-ngữ có cú-pháp xuôi còn Hoa-ngữ có cú-pháp ngược.

Các cụ ngày xưa đọc kinh-sách chữ Hán thuộc lòng, quen miệng cho nên khi nói chuyện bằng tiếng Việt thỉnh-thoảng dùng cú-pháp chữ Hán đó là lẽ dĩ-nhiên. Vì thế, có một số câu tiếng Việt, trong đó những chữ được bố-trí theo cú-pháp Hán, như :

« Tôi muốn đem vấn-đề ấy cùng với anh thảo-luận ».

Đó là phỏng theo câu Hán :

« Ngã tương bả giá cá vấn-đề hòa nễ thảo-luận »

Nếu dùng cú-pháp Việt thì phải nói :

« Tôi muốn thảo-luận với anh vấn-đề đó ».

Ngày xưa, các nhà văn Việt-Nam dùng chữ Hán viết truyện, họ không hoàn-toàn dùng cú-pháp ngược ; họ tạo một lối hành-văn Hán-Việt, nghĩa là bên cạnh cú-pháp ngược xen vào cú-pháp xuôi. Đó là lối hành-văn của hai cuốn sách kể chuyện những danh-nhân liệt-sĩ của nước ta, là : Lĩnh Nam Trích Quái và Việt-Điện U-Linh Tập.

Chúng tôi xin phép khỏi đem phân-tích lối hành-văn hai cuốn sách này ở đây, vì làm như vậy sẽ đi quá sâu vào chuyên-môn.

Mục cú-pháp có thể tóm tắt qua những nhận xét sau đây :

Về phương-diện cú-pháp, Hán-ngữ

ảnh-hưởng rất ít đến Việt-ngữ, vì lẽ cú-pháp phản-ảnh chiều-hướng tư-tưởng diễn-biến của một dân-tộc. Dân-tộc Việt khác dân-tộc Hoa ở nhiều điểm, một trong những điểm ấy đồng thời cũng là một điểm rất quan-trọng chính là chiều-hướng tư-tưởng diễn-biến của ta khác họ. Điểm này biểu-hiện qua ngôn-ngữ là chúng ta dùng cú-pháp xuôi còn họ dùng cú-pháp ngược.

Trong lịch-sử, người Trung-Hoa đã đô-hộ tổ-tiên chúng ta trên một ngàn năm, có thể bắt buộc dân ta ăn mặc theo họ, sống theo lối sống của họ, nhưng không thể thay-đổi chiều diễn-biến của tư-tưởng chúng ta, không thể nào bắt buộc chúng ta :

đừng nói « cái đầu heo » mà phải nói « cái heo đầu »

đừng nói « cái nhà rộng » mà phải nói « cái rộng nhà ».

* * *

Vấn-đề «Chữ Hán trong Việt-ngữ» có thể được kết-thúc với những nhận xét sau đây :

— Người Việt-Nam phải tưởng-niệm, tri ân công-đức của tiền-nhân đã biến thể bất lợi thành thể có lợi, nhân cuộc đô-hộ của ngoại-bang, lấy của họ làm của ta, để lại cho con cháu một di-sản vô cùng quý-báu, tức là kho tàng từ-ngữ Hán-Việt với tất cả những sản-phẩm dồi dào, phong phú của nó.

— Kho tàng từ-ngữ Hán-Việt đã xây-dựng cho Việt-ngữ một thành phần tổng-hợp để cùng với thành-phần phân-

tích sẵn có của dân-tộc, tạo cho Việt-ngữ đầy-đủ khả-năng diễn-đạt.

— Ngôn-ngữ là một sự-vật sống-động. Tiếng nói, cũng như mọi sự-vật khác trong thế-giới hữu-hình, vẫn trải qua quá-trình thành trụ hoại không, nói theo Nhà Phật, nghĩa là nó cũng sanh, lớn già, chết. Dân-tộc càng tiến, ngôn-ngữ càng phát triển và chúng ta có nhiệm-vụ làm cho dồi-dào phong-phú thêm mãi cái di-sản của tiền-nhân, nghĩa là tạo thêm những từ-ngữ mới để cung-ứng cho nhu-cầu văn-hóa của dân-tộc.

Trong việc tạo thêm những từ-ngữ mới, chúng ta cần nắm vững hai phương-châm khiến cho Việt-ngữ phong

phú thêm mà vẫn không phức-tạp, đó là :

— nắm vững quy-luật của ngôn-ngữ, nắm vững cú-pháp, hoặc xuôi, hoặc ngược, hoặc hỗn-hợp đã có sẵn và đã áp-dụng rồi.

— luôn luôn đề-cao dân-tộc-tính, dành ưu-tiên cho thành-phần phân-tích, cú-pháp xuôi, nghĩa là :

Nếu cùng một ý mà hai từ-ngữ, một Hán-Việt, một Nôm diễn đạt trọn vẹn thì dành ưu-tiên cho từ-ngữ Nôm.

Như vậy, chúng ta sẽ xây-dựng Việt-ngữ thành một công-cụ Văn-hóa đầy-đủ khả-năng, với nó dân-tộc Việt-Nam vững bước tiến trên con đường đưa đến một tương lai giàu mạnh.

XUÂN QUANG

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

MỘT TIẾNG NÓI CỦA Á CHÂU :

« Châu-Á và nền hòa bình thế-giới »

« *L'Asie et la paix mondiale* »
của Trần-minh - Tiết

▷ NGUYỄN HIỂN-LÊ

(Tiếp theo Bách Khoa số 331)

Trong tập nhì : *Một Liên bang Đông Nam Á trong một Đại liên minh Á Châu* tác giả mới đi sâu vào chi tiết, và xét về thực thể Liên bang Đông Nam Á.

Theo tác giả tiếng liên hiệp (fédération và fédéralisme) có nghĩa là nhiều quốc gia tự ý đoàn kết với nhau để thỏa mãn những nhu cầu chung vào một giai đoạn nào đó, chứ không nhất định phải đoàn kết với nhau để đương đầu với một hay nhiều kẻ thù xâm lăng đặc biệt hung hăng. Mỗi quốc gia vẫn giữ trọn chủ quyền của mình.

Liên bang Đông Nam Á có thể gồm :

— Những nước hội viên thành lập như Việt Nam, Lào, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện, Phi Luật Tân, Mã Lai và Indonésie.

— Những nước gia nhập sau như Nhật Bản, Triều Tiên, Tích Lan (và Indonésie, nếu Indonésie không muốn gia nhập ngay từ lúc đầu).

Ông xét những lí lẽ bác bỏ và những lí lẽ bênh vực thuyết của ông (tr. 182—209) mà tôi không thể kể hết ở đây được, rốt cuộc ông tin rằng sự liên hiệp tuy gặp nhiều nỗi khó khăn, nhưng có thể thành được và sẽ có lợi cho mỗi

quốc gia về các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội.

Muốn cho sự liên hiệp được lâu dài và có kết quả tốt thì các quốc gia (nghĩa là cả nhà cầm quyền lẫn dân chúng) phải chấp nhận một số tư tưởng chính trị và triết lí chung nào đó. Ít nhất dân chúng cũng phải hiểu tại sao cần phải liên hiệp, và liên hiệp thì có lợi ra sao. Vì vậy quần chúng phải được giáo dục, đủ ăn đủ mặc, có phẩm cách và đức tự tin (tr. 222). Phải ngay từ bây giờ dùng báo chí và mọi cách khác, gây được cái tinh thần, cái phong trào liên hiệp. Tờ *Cahiers de l'Asie du Sud Est* được sáng lập chính là nhắm mục đích đó ; nhưng hiện nay nó mới chỉ tới tay một số ít trí thức Việt Nam. Không biết nó có tới tay các nhà trí thức Cao Miên, Lào... không.

Trong tập ba : *Một con kênh cắt Eo đất Kra và một con kênh nối sông Cửu Long với Thái Bình Dương*, tác giả bảo Liên Hiệp Quốc đã có chương trình xây hai con đường xuyên Á, một con đường dài 10.600 cây số nối Bazargan (ở biên giới Thổ Nhĩ Kỳ) với Saigon, một con đường dài 12.350 cây số nối biên giới Irak với đảo Java.

Hai con đường đó rất có lợi cho sự phát triển châu Á. Còn công trình khai thác hạ lưu sông Cửu Long, cũng của Liên Hiệp Quốc, thì ông cho là không có lợi cho các công cuộc kinh doanh nhỏ, chỉ làm giàu cho các công ti lớn, tổ chức lớn ; gây thêm một hình thức thực dân kiểu mới nữa ; vả lại sự khai thác có kết quả mau thật đấy, nhưng cũng mau ngừng lại sau khi đạt được mức cao nhất. (tr. 290 — 291)

Theo ông, không lợi bằng đào hai kinh dưới đây :

— Kinh cắt ngang eo đất Kra, ở vào khoảng cực nam Miến Điện, để cho tàu biển từ Ấn Độ Dương qua Việt Nam, Phi Luật Tân, Nhật Bản..., khỏi phải đi vòng xuống Singapour. Ông rất ghét thực dân Âu châu, cho Singapour là công cụ của tư bản Tây Âu, nên ông muốn đào kinh đó cho Singapour suy tàn đi mà Saigon sẽ thành một hải cảng tự do thay thế nó, phát triển mạnh mẽ lên. Công việc đào kinh đó không khó khăn hơn công việc đào kinh Panama, nhất là với những phương tiện hiện nay.

— Kinh nối sông Cửu Long với Thái Bình Dương, từ Savannaket qua Đông Hà, Cửa Việt, để bổ túc kế hoạch xây hai con đường Xuyên Á của Liên Hiệp Quốc, để khai thác mỏ dầu lửa ở Lao Bảo (do kỹ sư Pháp tìm được năm 1928 và kỹ sư Nhật xác nhận năm 1941), các mỏ sắt và than ở Cam Lộ, Tân Định, các rừng quế và gỗ quý ở Việt Nam, Lào, Thái Lan. Con đường đó sẽ giải tỏa cả khu Lào, Bắc Thái, làm thay đổi thị trường ở Đông Nam Á ; xét theo ngắn hạn thì không lợi mấy, nhưng sẽ có lợi lớn về dài hạn ; và cũng như con

kinh trên (kinh cắt eo đất Kra), lợi cả về tâm lý : giúp cho các nước Đông Nam Á có tinh thần tự cường, thoát li sự thao túng của các cường quốc tư bản.

* * *

Trong tập bốn, ông bàn về sự thành lập *Liên bang Tây Nam Á*. Danh từ Tây Nam Á trở hai miền người Âu gọi là Cận Đông và Trung Đông mà tôi đã có lần cho là không chính xác.

Sau khi nhấn mạnh vào địa vị rất quan trọng của miền đó, vạch cái dã tâm và những âm mưu của Mĩ và Nga để chia nhau ảnh hưởng mà lung lạc các nước nhỏ (Mĩ thì xúi bẩy Do Thái, Nga thì xúi bẩy Ả Rập, gây ra mấy cuộc chiến tranh và bao nhiêu cuộc hỗn loạn), tác giả khuyên các dân tộc Ả Rập và Do Thái nên hòa giải với nhau mà thành lập một liên bang gồm Israel, Liban, Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan, Jordanie, Ả Rập Séoudite, Irak, Iran, Afghanistan, v...v.

Ông nhận rằng Âu Mĩ cho dân tộc Do Thái thành lập một quốc gia ở Palestine là áp bức dân tộc Ả Rập (nếu dân tộc Da đỏ viện lẽ rằng Mĩ là đất của tổ tiên họ mà đòi thành lập một quốc gia Da đỏ trên đất Hoa Kỳ thì người Hoa Kỳ nghĩ sao ? Muốn cho một triệu Do Thái tránh cái nạn diệt chủng do Đức Quốc Xã gây nên, thì các nước chống Đức Quốc Xã cứ tiếp đón Do Thái, cho họ nhập tịch, cần gì phải đưa họ về Palestine mà không có sự thỏa thuận của Ả Rập — tr. 358) ; nhưng việc đã lỡ rồi, Ả Rập không thể nào « búng » Do Thái ra khỏi Palestine được nữa, vì Do Thái được Mĩ làm

cho dân chúng Hoa lục.

Tác giả cho rằng kẻ thù số một và đáng sợ nhất của Trung Hoa không phải là Mĩ mà là Nga. Nga với Trung Cộng tuy cùng thờ một chủ nghĩa nhưng vẫn gườm nhau, tranh nhau làm bá chủ thế giới cộng sản. Nga muốn cho Trung Cộng phải làm đàn em mình, Trung Cộng không chịu. Lại thêm giữa Nga và Trung Hoa còn có mối thù từ thế kỉ trước. Khi nhà Thanh suy, Nga Hoàng thừa cơ chiếm hết phía bắc sông Hắc Long, làm chủ Tây Bá Lợi Á, cho tới Thái Bình Dương. Mao làm chủ Hoa lục rồi, xin các đồng chí Nga trả cho miền đó, nhưng bọn Nga xô cũng thực dân như bọn Nga Hoàng, không chịu trả. Mao ức, mật sát chính sách « xét lại » của Moscou, cho chính sách đó là một hình thức tân thực dân, rồi lại gây rối ở biên giới Nga-Hoa (từ 1961 đến 1969 đã có trên 5000 cuộc đụng độ giữa quân đội Nga và Trung Hoa. (tr. 409).

Nga biết rằng Bắc Kinh khi nào mạnh lên, tự xét đủ sức, sẽ tìm mọi cách chiếm lại Tây Bá Lợi Á tới tận Vladivostok, nên tìm cách bao vây Trung Cộng, gây ảnh hưởng ở Bắc Việt, Bắc Hàn. Trung Cộng tranh giành ảnh hưởng đó, nhất là ở Bắc Việt, có hồi phá Nga, không cho khí giới của Nga đi qua Trung Cộng để tới Bắc Việt.

Trong tập sáu: *Nhờ Á châu mà tạo được nền hòa bình thế giới* tác giả cho rằng mưu mô của Mĩ gồm lắm, muốn mượn tay Trung Cộng mà hại Nga, theo năm giai đoạn dưới đây:

Giai đoạn 1.— Để cho Nga và Trung

Cộng giúp Bắc Việt nhiều vào, cho chiến tranh Việt Nam có một qui mô lớn lao.

Giai đoạn 2.— Làm cho Bắc Việt phải nhờ Nga nhiều hơn trong chiến tranh đó, như vậy Bắc Việt sẽ thân lại Nga hơn là thân Trung Cộng; hậu quả là Trung Cộng càng oán Nga.

Giai đoạn 3.— Nhiệt độ chiến tranh tăng lên, mà Trung Cộng lại chặn vũ khí Nga, không cho qua cõi; thế là Bắc Việt lại phải nhờ Trung Cộng.

Giai đoạn 4.— Khi Trung Cộng đã do cách đó, nắm được Bắc Việt rồi, Mĩ mới thỏa thuận với Trung Cộng để giải quyết chiến tranh Việt Nam, làm cho Bắc Việt lệ thuộc Trung Cộng hơn là lệ thuộc Nga.

Giai đoạn 5.— Khi Trung Cộng, Bắc Việt và Bắc Hàn đã mạnh rồi, Mĩ mới xúi Trung Cộng gây hấn với Nga để lấy lại Tây Bá Lợi Á. (tr. 425-426).

Tác giả giảng giải: nếu Mĩ không có âm mưu đó thì tại sao lại cho thả những bom đầu tiên xuống Bắc Việt đúng vào lúc Trung Cộng chính thức đòi Nga trả Tây Bá Lợi Á.

Thuyết của tác giả tẻ nhạt quá, tôi thú thực khó nhận ra được; nhưng tác giả tin vậy, nên gợi ý cho các nhà cầm quyền Trung Cộng nên đổi thái độ đi, làm thân với các quốc gia Đông Nam Á, để cùng nhau chống lại Nga, lúc đó Mĩ và Tây Âu sẽ bớt nghi kỵ Trung Cộng mà Trung Cộng có thể bắt Nga trả Tây Bá Lợi Á ra được (trang 428-430) Tác giả không nói rõ ra, nhưng ta đoán được rằng ông muốn khuyên Mao bỏ chủ nghĩa cộng sản (Bắc Việt, Bắc Hàn cũng vậy), để thành một thực thể chính

Rồi năm 1966, tờ *Le Monde diplomatique* tự hỏi làm sao mà Thái Lan và Cao Miên đứng chung trong một liên bang được ; bây giờ Thái Lan đã hứa đem quân qua giúp Cao Miên rồi đây. Cái gì cũng có thể xảy ra ở trên địa cầu này được.

Ta phải khen ông đã bỏ ra mười lăm năm suy tư, gom góp rất nhiều tài liệu, để cất lên một tiếng nói cho Á Châu.

Mà những lời cảnh cáo, nhấn nhủ của ông thật đáng cho ta suy nghĩ : Người Á Châu chúng ta phải tự tin, giữ tư cách

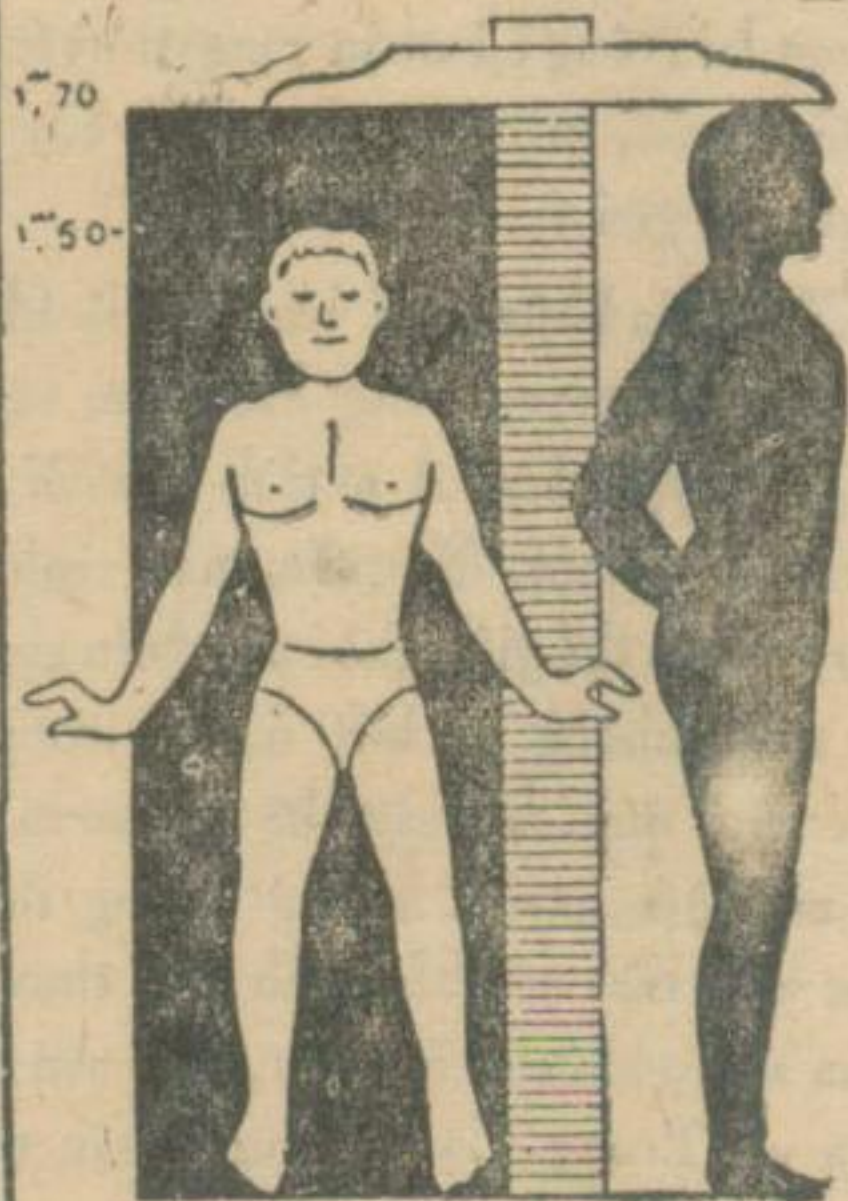
của mình, đoàn kết nhau lại chống với Nga và tư bản Tây phương, để vươn lên, tạo nên hòa bình cho thế giới, nêu gương bác ái, bình đẳng cho thế giới, dẫn đạo thế giới, chứ đừng xu phụ, theo kẻ này, kẻ kia, ngửa tay xin những vật thừa thãi của họ, rồi nhận khí giới của họ mà chém giết lẫn nhau. Tác phẩm của ông thực làm cho chúng ta phấn khởi. Và tôi tin rằng đề nghị thành lập Liên Bang Đông Nam Á của ông được nhiều người tán thành.

Sài gòn 1.7.1970

NGUYỄN HIẾN-LÊ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RẮNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

SỐ KN 18-MBYT/QCPD

thị, đã trở thành quá quen thuộc với tất cả mọi người. Các bài viết về nhạc Phạm-Duy, về Phạm Duy, khen có chê có, cũng đã đến tay bạn đọc từ trước tới nay khá nhiều. Bởi vậy trong bài sau đây bạn đọc thấy những nhận xét của Gauthier về Phạm-Duy có thể không còn gì mới lạ nữa. Nhưng điều làm cho chúng ta xúc động ở đây chính là qua nhạc Phạm-Duy, qua tâm tình cảm mến đối với Phạm-Duy, tác giả loạt bài này đã mến yêu và xót thương đất nước Việt-Nam, dân tộc Việt-Nam như một tổ-quốc thứ hai của mình.

Mức khởi hành...

Tôi nghĩ rằng không bao giờ tôi quên được một buổi chiều tháng bảy 1968 ấy... Một người thân vừa trao cho tôi một cuộn băng mới với giọng ca tuyệt diệu của Thái Thanh trình bày bốn bài Tâm Ca đầu và nhiều bài khác của Phạm-Duy. Sự hiểu biết của tôi về Việt-ngữ hãy còn hạn hẹp, nhưng vì đã có người dịch cho tôi một số tác phẩm của Phạm-Duy nên tôi hiểu khá rõ những lời của các bài Tâm Ca ấy. Bởi vậy, những nỗi đau thương của TÔI ƯỚC MƠ và của TIẾNG HÁT TO, những niềm hi vọng của NGỒI GẦN NHAU và những giọng thống thiết của GIỌT MƯA TRÊN LÁ càng thấm sâu vào tôi thì càng làm cho tôi bị xúc động đến chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn. Hồi đó, tôi đã quá quen thuộc với nghệ thuật của Thái-Thanh và Phạm-Duy, nhưng qua những giọt nước mắt cảm xúc ràn rụa trong chiều ấy, tôi đã hiểu thêm được rất nhiều điều. Tôi hiểu rằng một xứ sở đã hun đúc nên những tâm hồn nghệ sĩ như thế, xứ sở ấy dù điêu linh đến đâu vẫn là một xứ sở đã được cứu độ. Tôi lại còn hiểu được những gì gọi là phổ quát và vĩnh cửu trong nghệ thuật của Phạm-Duy và Thái-Thanh.



Phạm Duy
chiến khu Bình Trị Thiên 1949

Sau cùng và nhất là tôi đã hiểu rằng nghệ thuật của họ sẽ trường tồn.

* *

Khởi đầu loạt bài viết về nghệ thuật của Phạm-Duy, tôi hoàn toàn ý-thức



Phạm-Duy 1969

vọng duy nhất là chia sẻ với độc giả sự ngạc nhiên, lòng ngưỡng mộ và niềm tin của tôi đối với tác phẩm của con người nghệ sĩ tài tình là Phạm-Duy.

Tôi cũng cần phải nhấn mạnh thêm về điểm này, là mối cảm tình của tôi đối với Thái Thanh và Phạm Duy không hề làm suy giảm cảm tình đối với nhạc sĩ hay ca sĩ Việt Nam nào khác. Nghệ thuật của các nhạc sĩ và ca sĩ khác của Việt Nam cũng được tôi hiểu biết kỹ càng như trường hợp Thái Thanh và Phạm Duy, và nghệ thuật của các vị ấy đáng được đặt giá trị đúng mức : ai cũng có chân lý của mình. Nhưng không một ai có thể phủ nhận tầm quan trọng đặc biệt của Phạm Duy và Thái Thanh trên tiền trường nghệ thuật Việt Nam suốt ba mươi năm nay. Rõ ràng nghệ thuật của hai nghệ sĩ này đã vượt khỏi biên giới nước Việt Nam,

Khuôn mặt người nghệ sĩ

Tôi biết đến tên Phạm Duy đã năm năm nay. Bởi vì, đối với tôi, Phạm Duy thoát tiên là một cái *tên*. Một cái tên thanh âm nghe lạ tai (đối với người Tây phương như tôi), một cái tên của huyền thoại, thứ huyền thoại xa xăm, như thể từ thuở hồng hoang truyền về. Một cái tên mà người ta nhắc đi nhắc lại với tôi một cách nhiệt thành, và đôi khi có thoáng một chút ái ngại, dường như tiếc cho tôi không biết được tất cả ý nghĩa của cái tên ấy, tất cả những châu báu đẹp để ẩn tàng trong cái tên ấy. Nhưng chẳng bao lâu rồi tôi đã biết tất cả những cái đó. Bởi vì, sau đó, Phạm-Duy đối với tôi là những bài hát mà người ta hát và dịch cho tôi nghe và hiểu, là những đĩa hát và nhất là những cuộn băng mà người ta cho tôi nghe rồi cho mượn để ghi lại, là những bản nhạc mà tôi chụp lại để có thể đánh lên với chiếc dương cầm của tôi, là những loại ca mang tên Dân Ca, Trường Ca, Hành Khúc, Tình Ca, Tâm Ca, Nhi Đồng Ca và những bài khác mà tôi tìm biết, là những nhan đề, những lời ca và những âm điệu đã khắc sâu vào tâm trí tôi một cách rất nhanh và cũng rất sâu. Từ đó Phạm-Duy đã trở thành một người bạn thiết, một người anh dẫn bước tôi trên con đường gian nan và hứng thú của đời nghệ sĩ.

Chúng ta hãy nghiêng nhìn xuống khuôn mặt của con người ấy trong khoảng ba mươi năm nay : nó sẽ cho ta hiểu được nhiều điều.

Một bức hình... Phạm-Duy năm

THIỀN LUẬN

tác giả : SUZUKI

địch giả TRÚC THIÊN

nhà xuất bản :

AN TIÊM



Soạn tác phẩm «THIỀN LUẬN», Suzuki không nhằm riêng vào người học Phật, mà chung cho cả người Công giáo, người Hồi giáo v.v... hơn thế nữa, cho toàn giới trí thức, Đông cũng như Tây, triết gia cũng như nghệ sĩ, chánh khách cũng như khoa học gia. Đó là một trong số tác phẩm của thế kỉ XX gây chấn động sâu và bền nhất trong lòng người. Người ta đua nhau đọc «Thiền Luận» càng đọc càng đụng đầu với cái phi lí, và càng húc đầu vào cái phi lí càng đâm ngán ngơ — càng như đang đọc cuốn sách bên trong của chính mình.

Tác động phi thường ấy một phần do tác giả không phải chỉ là học giả, mà còn là hành giả.

Là học giả, Suzuki đặt Thiền vào hệ thống tư tưởng Phật giáo, và hệ thống Đại Thừa Giáo, và cả vào hệ thống tư tưởng chung của Trung hoa và của loài người.

Là hành giả, Suzuki vượt lên tất cả hệ thống mà thể nghiệm biến cố chứng đạo của Đức Như Lai ở cội bồ đề — biến cố thâu gọn trong thành ngữ «kiến tánh thành Phật». «Hành giải tương ứng», tác phẩm trình bày phần thuyết và phân hành quán quít nhau như một khối thuần nhất. Thuyết thì

oàn là phần II, đi từ phủ-nhận-cái-phủ-nhận của giáo lý Bát Nhã đến «pháp bất nhị» của Pháp Bảo Đàn Kinh. Hành thì nhẹ như gió thổi, như mây bay, nhón nhơ, vô sự, không có vấn đề nào đặt ra, mà cũng không có cứu cánh nào đặt tới. Hầu hết những vấn đề lớn của Phật giáo — nghĩa là của tư tưởng, của nhân sinh — đều được nêu lên, và được giải đáp một cách thỏa đáng bằng ánh sáng riêng của tác giả, nghĩa là giải đáp bằng cách không giải đáp gì hết, có như thế, theo Phật giáo, mới thực là giải đáp. Những vấn đề lớn ấy là: thực chất của giác ngộ, nghi tình và đốn ngộ, cơ duyên phát huệ, ngôn ngữ Thiền, tri và hành, nội dung của tu chứng, kỹ thuật công án, thông điệp của Bồ Đề Đạt Ma, Thiền và pháp giới Hoa nghiêm, Thiền và không tông Bát Nhã, Thiền và văn hóa Đông phương (kể cả võ thuật, kiếm pháp, chưởng), Thiền trong văn hóa Tây phương, Thiền và hiện đại tư tưởng, tôn giáo, xã hội, văn nghệ, sanh hoạt v.v...

Sách in công phu, đặc biệt có ảnh các vị tổ Huệ Năng, Lâm Tế, Bồ Đề Đạt Ma, Đức Sơn... những ảnh rất khó tìm này đều có in trong Thiền Luận.

SÁCH MỚI do An Tiêm xuất bản

- ★ **ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HAY LÀ VẤN MINH MIỆT VƯỜN**
biên khảo của Sơn Nam
- **CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG** (in lần thứ tư)
của Hermann Hesse
- **KHUNG TRỜI NHỎ HẸP**
của W.S. Maugham
- ★ **TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG**
của Tuệ Sỹ



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233 235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



Nhức đầu

Những

Budon

TRỊ:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bản nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phung Saigon. Đ.T. 25.539.

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

Siêu đẳng thượng hảo hạng

TÌM ĐỌC:

THÀNH CÁT TỬ HÂN

● của NGUYỄN TRỌNG-KHANH ●

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

— Hiệp thứ ba và là hiệp chót bắt đầu! yêu cầu...

Tấn-Hà mở bừng mắt, thật y như anh mới nằm mơ. Anh vừa đứng lên thì trước mặt anh, Anh-Dũng đã sừng sững đón chờ. Chao ơi! *tuổi trẻ! tuổi trẻ lúc nào cũng vội vã, hấp tấp, không biết đến kiên nhẫn dành dụm là gì. Ta phải lợi dụng nó để quật ngã nó; hãy để nó ra tay trước cho kỳ đến đuổi sức, một nhòai, rồi ta sẽ hạ nó. Ta sẽ rất cẩn thận, nhắm kỹ mà gửi đòn đi, ta sẽ gửi theo ngọn đòn tất cả sức mạnh còn lại của ta mới mong thắng nó, không sai chệch một ly...*

Trong khi người giàu kinh nghiệm còn đang suy tính thì tuổi trẻ hăng hái không chút đắn đo: Tấn-Hà chưa kịp nhận thấy, ngọn đòn của đối-thủ đã phóng đi; Anh-Dũng vung tay và tung mình lên, Tấn-Hà mắt cả bình tĩnh không kịp né tránh, chỉ đưa tay đỡ liều, bỗng anh tối mắt lại vì có vật gì vướng bên khóe mắt. Hốt hoảng, Tấn-Hà chớp mau một cái, lại vướng thêm... Cái màn máu lan rộng, nhòe ra che kín mắt anh, Tấn-Hà không kịp nhận biết mình bị rách khóe mắt vì cú đâm

hay chiếc đá, anh cũng không còn thì giờ trùng trùng, thận trọng nữa vì tình hình trở thành, quá bất lợi cho anh. Tuy nhiên trước khi lăn xả vào địch thủ anh phải dùng cánh tay gạt cái màn máu để nhìn cho rõ, nhưng anh chưa kịp làm gì hết và trước khi trọng tài can thiệp Anh-Dũng đã thừa thì giờ quật ngã được Tấn-Hà. Tấn-Hà cổ mở to mắt, chống đỡ yếu ớt, cố gắng một cách tuyệt vọng, đầu anh lại đập xuống sàn gỗ lần nữa đúng vào chỗ cũ, trọng tài đếm đến tiếng thứ chín anh vẫn chưa cử động được.

Nhưng Tấn-Hà còn đủ tỉnh táo để nhận thấy viên trọng-tài nắm một tay của Anh-Dũng đưa lên cao tuyên bố kết quả. Anh cũng thấy nụ cười tươi tỉnh của đối thủ anh và anh còn thấy rõ lúc Anh-Dũng giơ thẳng hai cánh tay lên, tấm áo choàng căng rộng ra nom như một con dơi khổng lồ đang giương cánh. Tấn-Hà ngạc nhiên tự hỏi: "Nó mặc áo khoác lúc nào nhanh vậy kia?" Rồi anh ngất đi trong khi tai còn văng vẳng tiếng hò reo bên dưới và bác-sĩ chưa kịp xách hộp cứu thương lên!

MINH-QUÂN

Chúc Mừng

Dù hay tin trễ vẫn mừng

TRẦN-CÔNG-NGHI

đã cùng cô

TRẦN-THỊ KIM-ANH

nên duyên chồng vợ.

LÊ VĂN TRUNG

